

**PHỤ LỤC: CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TRÚNG ĐÁU GIÁ
CUỘC ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT 44 LÔ ĐẤT TẠI XÃ KIẾN MINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của Chủ tịch UBND xã Kiến Minh

STT	Vị trí	Kí hiệu lô	Diện tích (m ²)	Giá đất cụ thể được duyệt (đ/m ²)	Giá khởi điểm cho cả lô (đồng)	Người trúng đấu giá	Địa chỉ	Căn cước công dân	Ngày cấp	Giá trả (đ/m ²)	Tổng giá trả (đồng)	Chênh lệch (đồng)
1	LK1	21	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đào Thị Hạnh	7/6B Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng	031179010748	26/12/2025	27,190,000	3,262,800,000	1,292,400,000
2	LK1	22	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Ngô Thị Huyền	Lê Hồng Phong, phường Hải An, TP Hải Phòng	031186008319	22/07/2024	27,550,000	3,306,000,000	1,335,600,000
3	LK1	23	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/4/2021	30,689,000	3,682,680,000	1,712,280,000
4	LK1	24	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đào Ngọc Minh	xã An Hưng, TP Hải Phòng	031091011978	03/5/2023	32,288,000	3,874,560,000	1,904,160,000
5	LK1	25	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Nguyễn Văn Sân	Số 20/17/18 Lạch Tray, Hàng Kênh, phường Lê Chân, TP Hải Phòng	035066000065	01/09/2021	32,920,000	3,950,400,000	1,980,000,000
6	LK1	33	105.5	16,580,000	1,749,190,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	42,889,000	4,524,789,500	2,775,599,500
7	LK1	34	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	35,389,000	4,246,680,000	2,276,280,000
8	LK1	35	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	34,089,000	4,090,680,000	2,120,280,000
9	LK1	36	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	34,689,000	4,162,680,000	2,192,280,000
10	LK1	37	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	33,989,000	4,078,680,000	2,108,280,000

STT	Vị trí	Kí hiệu lô	Diện tích (m ²)	Giá đất cụ thể được duyệt (đ/m ²)	Giá khởi điểm cho cả lô (đồng)	Người trúng đấu giá	Địa chỉ	Căn cước công dân	Ngày cấp	Giá trả (đ/m ²)	Tổng giá trả (đồng)	Chênh lệch (đồng)
11	LK1	38	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	33,889,000	4,066,680,000	2,096,280,000
12	LK1	39	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	34,889,000	4,186,680,000	2,216,280,000
13	LK1	40	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	34,589,000	4,150,680,000	2,180,280,000
14	LK1	41	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	34,689,000	4,162,680,000	2,192,280,000
15	LK1	42	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	34,789,000	4,174,680,000	2,204,280,000
16	LK1	43	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	34,889,000	4,186,680,000	2,216,280,000
17	LK1	44	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	35,089,000	4,210,680,000	2,240,280,000
18	LK1	45	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Trần Văn Huy	Nguyễn Văn Linh, An Biên, Hải Phòng	031077010610	12/08/2021	36,000,000	4,320,000,000	2,349,600,000
19	LK1	46	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	35,689,000	4,282,680,000	2,312,280,000
20	LK1	47	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	35,889,000	4,306,680,000	2,336,280,000
21	LK2	53	124.0	16,420,000	2,036,080,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	36,389,000	4,512,236,000	2,476,156,000
22	LK2	54	124.0	16,420,000	2,036,080,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	36,589,000	4,537,036,000	2,500,956,000

STT	Vị trí	Kí hiệu lô	Diện tích (m ²)	Giá đất cụ thể được duyệt (đ/m ²)	Giá khởi điểm cho cả lô (đồng)	Người trúng đấu giá	Địa chỉ	Căn cước công dân	Ngày cấp	Giá trả (đ/m ²)	Tổng giá trả (đồng)	Chênh lệch (đồng)
23	LK2	55	124.0	16,420,000	2,036,080,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	36,689,000	4,549,436,000	2,513,356,000
24	LK2	56	124.0	16,420,000	2,036,080,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	36,189,000	4,487,436,000	2,451,356,000
25	LK2	57	124.0	16,420,000	2,036,080,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	36,589,000	4,537,036,000	2,500,956,000
26	LK2	58	124.0	16,420,000	2,036,080,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	36,389,000	4,512,236,000	2,476,156,000
27	LK2	59	124.0	16,420,000	2,036,080,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	36,689,000	4,549,436,000	2,513,356,000
28	LK2	60	124.0	16,420,000	2,036,080,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	37,019,000	4,590,356,000	2,554,276,000
29	LK2	61	124.0	16,420,000	2,036,080,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	37,029,000	4,591,596,000	2,555,516,000
30	LK3	91	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Nguyễn Văn Cường	Thôn Cẩm La, xã Kiến Thụy, Hải Phòng	031088006866	18/10/2024	34,500,000	4,140,000,000	2,169,600,000
31	LK3	92	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Vũ Hữu Tuấn	Thôn 2, xã Nghi Dương, TP Hải Phòng	031094008780	05/03/2025	25,620,000	3,074,400,000	1,104,000,000
32	LK3	93	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Nguyễn Văn Cường	Thôn Cẩm La, xã Kiến Thụy, Hải Phòng	031088006866	18/10/2024	32,100,000	3,852,000,000	1,881,600,000
33	LK3	105	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đào Ngọc Minh	xã An Hưng, TP Hải Phòng	031091011978	03/5/2023	30,569,000	3,668,280,000	1,697,880,000
34	LK3	106	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đào Ngọc Minh	xã An Hưng, TP Hải Phòng	031091011978	03/5/2023	30,588,000	3,670,560,000	1,700,160,000

STT	Vị trí	Kí hiệu lô	Diện tích (m ²)	Giá đất cụ thể được duyệt (đ/m ²)	Giá khởi điểm cho cả lô (đồng)	Người trúng đấu giá	Địa chỉ	Căn cước công dân	Ngày cấp	Giá trả (đ/m ²)	Tổng giá trả (đồng)	Chênh lệch (đồng)
35	LK3	107	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Bùi Tiến Quang	xã An Hưng, TP Hải Phòng	031093015163	11/10/2023	31,389,000	3,766,680,000	1,796,280,000
36	LK3	108	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Trần Thị Nhung	261 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng	031194000748	23/12/2022	31,798,000	3,815,760,000	1,845,360,000
37	LK3	111	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Phạm Thị Lương	xã An Hưng, TP Hải Phòng	031188000697	12/04/2024	31,589,000	3,790,680,000	1,820,280,000
38	LK3	112	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Phạm Thị Lương	xã An Hưng, TP Hải Phòng	031188000697	12/04/2024	31,589,000	3,790,680,000	1,820,280,000
39	LK3	113	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đào Ngọc Minh	xã An Hưng, TP Hải Phòng	031091011978	03/5/2023	31,589,000	3,790,680,000	1,820,280,000
40	LK3	114	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đào Ngọc Minh	xã An Hưng, TP Hải Phòng	031091011978	03/05/2023	31,591,000	3,790,920,000	1,820,520,000
41	LK6	209	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	37,389,000	4,486,680,000	2,516,280,000
42	LK6	210	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	28,689,000	3,442,680,000	1,472,280,000
43	LK6	219	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	29,189,000	3,502,680,000	1,532,280,000
44	LK6	220	120.0	16,420,000	1,970,400,000	Đoàn Kim Thủy	Tân Phong, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	031088010910	26/04/2021	35,889,000	4,306,680,000	2,336,280,000
Tổng (44 lô)			5,301.5		87,067,510,000						178,984,233,500	91,916,723,500

STT	Vị trí	Kí hiệu lô	Diện tích (m ²)	Giá đất cụ thể được duyệt (đ/m ²)	Giá khởi điểm cho cả lô (đồng)	Người trúng đấu giá	Địa chỉ	Căn cước công dân	Ngày cấp	Giá trả (đ/m ²)	Tổng giá trả (đồng)	Chênh lệch (đồng)
-----	--------	------------	-----------------------------	---	--------------------------------	---------------------	---------	-------------------	----------	-----------------------------	---------------------	-------------------

